

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Luận

2. Ông Nguyễn Xuân Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên
tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 29/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bích T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 350/AB, ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

(chị T và anh P cùng có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Đặng Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng P kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/7/2014, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh chị đã ly thân khoảng 1 năm nay.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh P nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích T yêu cầu được ly hôn với anh Trần

Hoàng P, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P có 1 con chung: Trần Phúc N, sinh ngày 25/6/2014. Chị T yêu cầu để anh P trực tiếp nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Bích T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đặng Thị Bích T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Theo bị đơn anh Trần Hoàng P trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Bích T sống chung với nhau từ năm 2013, đến ngày 14/7/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó chị T tự ý bỏ đi không còn sống chung với anh nữa. Anh chị đã sống ly thân từ hơn 1 năm nay.

Nay chị Đặng Thị Bích T xin ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh P đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị Bích T.

- Về con chung: Anh P và chị Đặng Thị Bích T có 1 con chung: Trần Phúc N, sinh ngày 25/6/2014, hiện đang sống với anh P. Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hoàn cảnh gia đình nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Đặng Thị Bích T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Trần Hoàng Phi có yêu cầu giải quyết vắng mặt và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ

án. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Bích T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Đặng Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Trần Hoàng P và yêu cầu để anh P trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn anh Trần Hoàng P hiện đang cư trú tại ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/7/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng chị và anh P thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh chị đã ly thân khoảng 1 năm nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P nữa nên xin được ly hôn. Về phía anh P, anh P cũng thừa nhận giữa anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn, chị T tự ý bỏ đi không còn chung sống với anh nữa và anh nghe nói chị T có mối quan hệ tình cảm với người khác. Do đó, chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P có 1 con chung là cháu Trần Phúc N, sinh ngày 25/6/2014. Chị T yêu cầu để anh P trực tiếp nuôi con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Trần Phúc N hiện đang sống với cha và có cuộc sống, học tập, sinh hoạt ổn định. Việc sống chung với cha là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của cháu N. Đồng thời, phía anh P cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu N nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh Trần Hoàng P là người trực tiếp nuôi cháu Trần Phúc N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét việc anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Đặng Thị Bích T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Bích T đối với bị đơn anh Trần Hoàng P, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Hoàng P.

- Về con chung: Anh Trần Hoàng P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Phúc N, sinh ngày 25/6/2014 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Đặng Thị Bích T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004776 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Bích T và anh Trần Hoàng P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã L, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương